

CÔNG TY TÀI CHÍNH
CỔ PHẦN TÍN VIỆT
Số: 946/2024/VietCredit -TT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà nội, ngày 20 tháng 12 năm 2024

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN TÍN VIỆT

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty Tài chính cổ phần Tín Việt

Căn cứ:

- Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Điều lệ Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VietCredit).

Hội đồng quản trị (HĐQT) VietCredit kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của HĐQT VietCredit, cụ thể như sau:

I. Sự cần thiết sửa đổi, bổ sung

Ngày 18/01/2024, Quốc hội đã ban hành Luật các Tổ chức Tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 (Luật các TCTD) và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2024, theo đó đã thay đổi nhiều quy định về tổ chức, hoạt động cũng như yêu cầu nâng cao vai trò quản trị, và giám sát của các TCTD. Theo kết quả rà soát, Quy chế Tổ chức và Hoạt động của HĐQT VietCredit cần phải sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tuân thủ, phù hợp với quy định của Luật các TCTD.

II. Nội dung trình ĐHCĐ

- 1) Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và Hoạt động của HĐQT VietCredit theo các nội dung tại Phụ lục số 01 đính kèm Tờ trình này;
- 2) Thông qua toàn văn Quy chế Tổ chức và Hoạt động của HĐQT VietCredit đính kèm Tờ trình này;
- 3) Giao Chủ tịch HĐQT ký ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của HĐQT VietCredit đã được ĐHCĐ thông qua và theo các quy định của pháp luật;

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu: Văn thư, Vp HĐQT.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Phương

PHỤ LỤC SỐ 01

CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VIETCREDIT

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)
CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG
<p>Điều 2. Các thuật ngữ, định nghĩa, từ viết tắt</p> <p>7. Người điều hành: Bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điều 2. Các thuật ngữ, định nghĩa, từ viết tắt</p> <p>9. Người điều hành: Bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, <u>Giám đốc Chi nhánh, (các) cá nhân do Hội đồng quản trị bổ nhiệm giữ chức vụ/chức danh khác và được chỉ định là người điều hành tương đương vì trí: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc Giám đốc chi nhánh.</u></p>
CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
<p>Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng, Điều lệ Công ty và Quy Chế nội bộ về quản trị Công ty, như sau:</p> <p>a. <u>Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước, Điều lệ Công ty, đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của Công ty và cổ đông;</u></p>	<p>Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ Công ty, như sau:</p> <p>a. <u>Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo đúng quy chế nội bộ của HĐQT và sự phân công của Chủ tịch HĐQT một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của tổ chức tín dụng và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập HĐQT trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;</u></p> <p>j. <u>Thực hiện nghĩa vụ cung cấp, công bố công khai thông tin theo quy định của pháp luật;</u></p> <p>k. <u>Thành viên HĐQT không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp HĐQT để quyết định nội dung quy định tại các khoản 2, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14 và 18 Điều 70 của Luật các TCTD;</u></p>
<p>Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty</p>	<p>Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, <u>các cán bộ quản lý</u> khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)
<p>Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</p> <ol style="list-style-type: none"> Số lượng thành viên Hội đồng quản trị: Không ít hơn 05 thành viên và không quá 11 thành viên, trong đó có ít nhất 01 thành viên độc lập. Hội đồng quản trị phải có ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là Người điều hành Công ty. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan trong từng thời kỳ. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp. ... 	<p>Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</p> <ol style="list-style-type: none"> HĐQT của Công ty phải có tối thiểu 05 thành viên và không quá 11 thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do ĐHĐCĐ quyết định. HĐQT phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Công ty. Nhiệm kỳ của HĐQT không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia HĐQT nhưng không được vượt quá 02 thành viên HĐQT của Công ty, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong trường hợp bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bị đình chỉ, tạm đình chỉ theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật liên quan.

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)
<p>7. ...</p> <p>8. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị của Công ty, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước.</p> <p>9. Trường hợp số thành viên HĐQT không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số thành viên, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT.</p> <p>10. Số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.</p>	<p>8. Trường hợp HĐQT có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, tổ chức tín dụng phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật các TCTD.</p> <p>9. Quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.</p> <p>10. Trong trường hợp HĐQT của Công ty được bầu trước ngày Luật các TCTD có hiệu lực thi hành (ngày 01/7/2024) mà không đáp ứng quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ HĐQT.</p>
<p>Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của Pháp luật;</p> <p>c. Có bằng đại học trở lên;</p> <p>d. Có ít nhất 03 năm là người quản lý, Người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, Người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</p> <p>e. Có đạo đức nghề nghiệp.</p> <p>2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các điều kiện độc lập như sau:</p> <p>a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;</p>	<p>Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a. Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 32 Điều lệ Công ty;</p> <p>b. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>c. Có trình độ đại học trở lên;</p> <p>d. Có một trong các điều kiện sau đây: (i) có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; (ii) có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; (iii) có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; (iv) có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</p> <p>2. Thành viên độc lập HĐQT phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty hoặc công ty con của Công ty hoặc đã làm việc cho Công ty hoặc công ty con của Công ty trong 03 năm</p>

<p>QUY CHẾ HIỆN HÀNH</p>	<p>DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)</p>
<p>b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;</p> <p>c. Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Công ty, Người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Công ty hoặc công ty con của Công ty;</p> <p>d. Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Công ty; không cùng Người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Công ty;</p> <p>e. Không phải là Người quản lý, Ban kiểm soát của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.</p> <p>3. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập HĐQT có liên quan.</p>	<p><u>liền kề trước đó;</u></p> <p>b. <u>Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Công ty, ngoài những khoản thù lao của thành viên HĐQT được hưởng;</u></p> <p>c. <u>Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Công ty, người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên BKS của Công ty hoặc công ty con của Công ty;</u></p> <p>d. <u>Không đại diện sở hữu cổ phần của Công ty; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Công ty;</u></p> <p>e. <u>Không phải là người quản lý, thành viên BKS của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.</u></p> <p>3. <u>Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT trong thời hạn quy định tại khoản 8, khoản 10 Điều 6 của Quy chế này.</u></p>
<p>Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị và phải được Thống đốc Ngân hàng nhà nước chuẩn y.</p> <p>2. Chủ tịch HĐQT Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.</p> <p>3. ...</p> <p>4. ...</p> <p>5. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì</p>	<p>Điều 8. Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch, <u>Phó Chủ tịch</u> HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT trong số các thành viên HĐQT.</p> <p>2. Chủ tịch HĐQT của Công ty không được <u>đồng thời là người điều hành, thành viên BKS của Công ty và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.</u></p> <p>3. ...</p> <p>4. ...</p> <p>5. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; <u>chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;</u></p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)
<p>và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;</p> <p>c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;</p> <p>d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;</p> <p>e. Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ;</p> <p>f. Bảo đảm các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà HĐQT phải xem xét.</p> <p>g. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT.</p> <p>h. Giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các quyền, nghĩa vụ chung.</p> <p>i. Ít nhất mỗi năm một lần, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của HĐQT và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.</p> <p>j. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ Công ty và quy định pháp luật có liên quan.</p> <p>6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho thành viên khác nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình.</p> <p>7. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày đảm nhận chức danh tạm thời. Quá thời hạn trên, Hội đồng quản trị sẽ bầu lại Chủ tịch Hội đồng quản trị mới và thông báo công khai kết quả.</p>	<p>b. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;</p> <p>c. <u>Thay mặt HĐQT ký văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT;</u></p> <p>d. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;</p> <p>e. Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;</p> <p>f. Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ;</p> <p>g. Bảo đảm các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà HĐQT phải xem xét;</p> <p>h. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT;</p> <p>i. <u>Giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện nhiệm vụ quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công;</u></p> <p>j. <u>Định kỳ hàng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên HĐQT, các Ủy ban của HĐQT và báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả đánh giá này;</u></p> <p>k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ Công ty và quy định pháp luật có liên quan.</p> <p>6. <u>Phó Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT. Số lượng và nhân sự Phó Chủ tịch HĐQT cụ thể do HĐQT quyết định.</u></p> <p>7. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho <u>Phó Chủ tịch hoặc một thành viên khác của HĐQT</u> nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho HĐQT rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ của mình.</p> <p>8. <u>Nếu Chủ tịch vắng mặt mà không ủy quyền cho một thành viên của Hội đồng quản trị hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày đảm nhận chức danh tạm thời. Trong thời hạn đó, Hội đồng quản trị sẽ bầu lại Chủ tịch Hội đồng quản trị mới và thông báo công khai kết quả theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ của Công ty.</u></p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)
<p>Điều 9. Đương nhiên mất tư cách, Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thành viên Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách khi thuộc một trong các trường hợp sau: <ol style="list-style-type: none"> a. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 39 của Điều lệ; b. Chết, mất năng lực hành vi dân sự; c. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông hoặc thành viên góp vốn của Công ty khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân; d. ... e. ... f. ... 2. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau: <ol style="list-style-type: none"> a. ... b. ... c. Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 50 của Luật các Tổ chức tín dụng; d. Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập; e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; f. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật. 3. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau: <ol style="list-style-type: none"> a. ...; b. 4. Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này. 	<p>Điều 9. Đương nhiên mất tư cách, Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thành viên Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách khi thuộc một trong các trường hợp sau: <ol style="list-style-type: none"> a. <u>Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 32 của Điều lệ Công ty;</u> b. Chết; c. <u>Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của Công ty khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;</u> d. ... e. ... f. ... 2. <u>HĐQT của Công ty phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc nhân sự đương nhiên mất tư cách theo quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhân sự đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.</u> 3. <u>Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên HĐQT của Công ty vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.</u> 4. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau: <ol style="list-style-type: none"> a. Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế; b. Có đơn từ chức; c. Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật các TCTD;

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)
<p>5. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</p> <p>b. Số lượng thành viên độc lập HĐQT giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định Điều lệ Công ty và quy định pháp luật có liên quan;</p> <p>c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</p> <p>6. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, các thành viên HĐQT phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>7. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, HĐQT của Công ty phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>8. Đương nhiên mất tư cách:</p> <p>a. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT:</p> <p>(i) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 39 Điều lệ này;</p> <p>(ii) Chết, mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>(iii) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông hoặc thành viên góp vốn của Công ty khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;</p> <p>(iv) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;</p> <p>(v) Khi bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>(vi) Công ty bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.</p> <p>b. Chức danh đã được thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y của những người quy định tại điểm a, khoản này đương nhiên hết hiệu lực.</p> <p>c. Trường hợp bị đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT theo quy định</p>	<p>d. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;</p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.</p> <p>5. Thành viên HĐQT bị bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a.;</p> <p>b.</p> <p>c. <u>Bãi nhiệm khi thành viên độc lập HĐQT không đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 41 và khoản 3 Điều 43 của Luật Các TCTD;</u></p> <p>d. <u>Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.</u></p> <p>6. <u>Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này.</u></p> <p>7. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, các thành viên khác của HĐQT phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>8. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, HĐQT của Công ty phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>9. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</p> <p>b. Số lượng thành viên độc lập HĐQT giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định Điều lệ Công ty và quy định pháp luật có liên quan;</p>



QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)
<p>tại điểm a, khoản này, HĐQT Công ty phải có ngay văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi lên Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi Công ty đóng trụ sở chính trong thời hạn 05 (năm) ngày và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật, đồng thời xử lý theo quy định tại Điều lệ Công ty.</p> <p>d. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên HĐQT của Công ty phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.</p>	<p>c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</p>
<p>Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật</p>	<p>Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số lượng ứng cử viên mà họ được quyền đề cử; hoặc tổng số ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử không đủ số lượng dự kiến bầu; hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, thì số lượng ứng cử viên còn lại do HĐQT đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.</p>
<p>Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>4. <u>Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên HĐQT của Công ty phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm các chức danh này. Những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên HĐQT phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</u></p> <p>5. <u>Công ty phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước danh sách người được bầu, bổ nhiệm chức danh thành viên HĐQT trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bầu, bổ nhiệm</u></p>
<p>CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	<p>CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>
<p>Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. <u>HĐQT là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết</u></p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)
	<p><u>định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.</u></p> <p>2. <u>HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</u></p> <ul style="list-style-type: none">a. <u>Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm, mục tiêu hoạt động của Công ty;</u>b. <u>Trình ĐHĐCĐ quyết định, thông qua nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của ĐHĐCĐ quy định tại khoản 3 Điều 67 của Luật các TCTD;</u>c. <u>Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của Công ty;</u>d. <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và người điều hành khác, các chức danh trực tiếp tham mưu, giúp việc cho HĐQT (cố vấn HĐQT, Thư ký HĐQT, Chánh văn phòng HĐQT, Người phụ trách quản trị...), Giám đốc chi nhánh, công ty con, trưởng văn phòng đại diện và các chức danh khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của HĐQT;</u>e. <u>Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;</u>f. <u>Cử người đại diện phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác;</u>g. <u>Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</u>h. <u>Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Công ty mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố</u>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)
	<p><u>đình thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;</u></p> <p>i. <u>Quyết định khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật các TCTD, trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;</u></p> <p>j. <u>Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Công ty với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Công ty; người có liên quan của người quản lý, thành viên BKS, cổ đông lớn của Công ty; công ty con, công ty liên kết của Công ty. Trong trường hợp này, thành viên HĐQT có liên quan không có quyền biểu quyết;</u></p> <p>k. <u>Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Công ty;</u></p> <p>l. <u>Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; định kỳ hằng năm đánh giá về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc;</u></p> <p>m. <u>Ban hành quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị, hoạt động của Công ty phù hợp với quy định của Luật các TCTD và quy định khác của pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của BKS hoặc ĐHĐCĐ;</u></p> <p>n. <u>Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Công ty;</u></p> <p>o. <u>Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên;</u></p> <p>p. <u>Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</u></p> <p>q. <u>Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Công ty;</u></p> <p>r. <u>Quyết định mua lại cổ phần của Công ty theo phương án được duyệt theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p>s. <u>Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.</u></p> <p>t. <u>Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình ĐHĐCĐ quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, trừ nội dung thuộc nhiệm vụ,</u></p>

<p>QUY CHẾ HIỆN HÀNH</p>	<p>DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)</p>
	<p><u>quyền hạn của BKS.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> u. <u>Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT, chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ; triệu tập ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ.</u> v. <u>Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.</u> w. <u>Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên HĐQT, BKS, Tổng giám đốc.</u> x. <u>Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</u> y. <u>Quyết định quy chế quản lý nội bộ của Công ty; cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các Trung tâm/phòng chức năng trong Công ty;</u> z. <u>Ban hành Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua; Quy chế về công bố thông tin và các quy chế hoạt động kinh doanh khác của Công ty;</u> aa. <u>Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;</u> bb. <u>HĐQT được sử dụng bộ máy và các nguồn lực của Công ty để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình;</u> cc. <u>Quyết định quy chế tổ chức và hoạt động của Người Điều hành Công ty;</u> dd. <u>HĐQT và các ủy ban của HĐQT có quyền thuê nhân viên và tư vấn độc lập, các kế toán độc lập, và các tư vấn bên ngoài khác để thực hiện các công việc liên quan phù hợp với Điều lệ và quy định của Pháp luật, nếu cần thiết để thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của họ bằng chi phí của Công ty mà không cần phải tham khảo trước bất kỳ một người quản lý nào của Công ty;</u> ee. <u>Phê duyệt các nội dung liên quan đến phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;</u> ff. <u>Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật tổ chức tín dụng và Điều lệ Công ty.</u>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)
	<p>3. HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.</p> <p>4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.</p>
<p>Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch</p> <p>Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường</p> <p>1. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none">; Số lượng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;; Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. <p>2. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường: HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn</p>	<p>Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường</p> <p>1. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none">; Số lượng thành viên HĐQT, hoặc số thành viên của BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều 6 Quy chế này và khoản 2 Điều 51 của Luật các TCTD; Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng vốn cổ phần phổ thông trở lên của Công ty theo quy định tại Điều lệ; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;; <u>Quyết định nội dung theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của Công ty;</u> Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. <p>2. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường:</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)
<p>lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.</p>	<p><u>HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện nêu tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d và điểm e khoản 1 Điều này.</u></p>
<p>Điều 15. Các Ủy ban/Hội đồng và bộ phận giúp việc Hội đồng quản trị</p> <p>2. Hội đồng quản trị thành lập bao gồm nhưng không giới hạn các Ủy ban/Hội đồng sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Ủy ban quản lý rủi ro; b. Ủy ban nhân sự; c. Các ủy ban/Hội đồng khác khi thấy cần thiết. <p>Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện các thành viên của các Ủy ban này do HĐQT ban hành thành văn bản trong từng thời kỳ phù hợp với quy định pháp luật trong từng thời kỳ</p>	<p>Điều 14. Các Ủy ban/Hội đồng và bộ phận giúp việc Hội đồng quản trị</p> <p>2. HĐQT phải thành lập bao gồm nhưng không giới hạn các Ủy ban/Hội đồng sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Ủy ban quản lý rủi ro; b. Ủy ban nhân sự; c. Các ủy ban/Hội đồng khác khi thấy cần thiết. <p>Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện các thành viên của các Ủy ban này do HĐQT quyết định trong từng thời kỳ phù hợp với <u>quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và quy định pháp luật có liên quan</u></p>
<p>CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	<p>CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>
<p>Điều 18. Cuộc họp Hội đồng quản trị</p> <p>11. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a.; b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này <p>13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận</p>	<p>Điều 17. Cuộc họp Hội đồng quản trị</p> <p>11. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a.; b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 13 Điều này và Mục k, Khoản 1, Điều 4 Quy chế này; <p>13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận <u>phù hợp với Điều 72 Luật Các TCTD.</u></p>
<p>CHƯƠNG V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH</p>	<p>CHƯƠNG V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH</p>
<p>Điều 21. Thù lao, thưởng, lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p>	<p>Điều 20. Thù lao, thưởng, lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Công ty trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)
<p>2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao, thưởng của thành viên HĐQT và ngân sách hoạt động hằng năm của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.</p> <p>3. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.</p> <p>4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.</p> <p>5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.</p>	<p>2. <u>Tổng mức thù lao, thưởng của thành viên HĐQT và ngân sách hoạt động hằng năm của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định.</u></p> <p>3. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí.</p> <p>4. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.</p> <p>5. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT, <u>phù hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>6. Thành viên HĐQT được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.</p>
<p>Điều 22. Công khai các lợi ích liên quan</p> <p>Việc công khai lợi ích và Người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau:</p> <p>1. Thành viên HĐQT của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và Người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên;</p>	<p>Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan</p> <p>1. Thành viên HĐQT của Công ty phải <u>cung cấp cho Công ty các thông tin sau đây:</u></p> <p>a. <u>Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;</u></p> <p>b. <u>Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành</u></p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)
<p>b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và Người có liên quan đang là thành viên HĐQT thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc;</p> <p>c. Các thông tin về lợi ích liên quan khác theo quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Việc công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.</p> <p>3. Công ty phải công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này định kỳ hàng năm cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị của Công ty và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>4. Công ty phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày Công ty nhận được thông tin công khai theo quy định tại khoản 2 Điều này.</p>	<p>viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);</p> <p>c. Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;</p> <p>d. Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.</p> <p>2. Thành viên HĐQT phải gửi Công ty bằng văn bản cung cấp các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.</p> <p>3. Thông tin quy định tại khoản 1 Điều này phải được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Công ty nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hàng năm, Công ty công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 Điều này với ĐHĐCĐ của Công ty.</p> <p>4. Thành viên HĐQT phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.</p>
CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
<p>Điều 24. Mối quan hệ với Tổng Giám đốc và Người điều hành khác</p> <p>1. Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các Nghị quyết để Tổng Giám đốc và Người điều hành khác thực hiện. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát thực hiện các Nghị quyết.</p> <p>2. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT có hiệu lực bắt buộc thi hành trong toàn hệ thống Công ty. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng Giám đốc có trách</p>	<p>Điều 23. Mối quan hệ với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành</p> <p>1. Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các Nghị quyết để Tổng Giám đốc và <u>bộ máy điều hành thực hiện</u>. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát thực hiện các Nghị quyết.</p> <p>2. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT có hiệu lực bắt buộc thi hành trong toàn hệ thống Công ty. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, nếu phát hiện vấn đề <u>ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty</u> thì Tổng Giám đốc có</p>



QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ (SỬA ĐỔI)
<p>nhiệm đề nghị HĐQT xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh lại Nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên ĐHĐCĐ hoặc cơ quan có thẩm quyền khác.</p> <p>10. Trường hợp phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Người Điều hành và Người điều hành khác phải báo cáo ngay cho Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp phụ trách mảng công việc đó biết để chỉ đạo giải quyết kịp thời</p>	<p>trách nhiệm đề nghị HĐQT xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh lại Nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên ĐHĐCĐ hoặc cơ quan có thẩm quyền khác.</p> <p>10. Trường hợp phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Người điều hành phải báo cáo ngay cho Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp phụ trách mảng công việc đó biết để chỉ đạo giải quyết kịp thời</p>